ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN KHU VỰC NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG

số: AGIA_TVHN_20241126_1100
Ngày: 26/11/2024

BẢN TIN DỰ BÁO THUỶ VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm có khả năng xuống trong 1-2 ngày đầu, sau đó lên trở lại theo kỳ triều đầu tháng 11 (Âm Lịch); mực nước thấp nhất ngày xuống xuống chậm.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực biến đổi chậm trong những ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 26/11 đến 30/11/2024

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		25/11	So với cùng kỳ 2023	So với TBNN	26/11	27/11	28/11	29/11	30/11
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.94	-0.24	-0.44	1.91	1.94	1.97	2.01	2.05
						Min	0.96	-0.31	-1.06	0.95	0.92	0.89	0.86	0.81
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.91	-0.16	0.03	1.88	1.91	1.94	1.98	2.02
						Min	0.72	-0.19	-0.52	0.70	0.67	0.64	0.61	0.56
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	2.11	-0.36	-0.59	2.07	2.04	2.02	2.00	1.98
						Min	1.69	-0.47	-0.85	1.64	1.60	1.57	1.54	1.51
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.96	-0.33	-0.26	1.99	2.02	2.05	2.09	2.13
						Min	0.89	-0.36	-0.93	0.88	0.85	0.82	0.79	0.74
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.98	-0.18	0.17	1.96	1.99	2.02	2.06	2.10
						Min	0.67	-0.15	-0.18	0.64	0.61	0.58	0.55	0.50
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.94	-0.20	-0.04	1.91	1.94	1.97	2.01	2.05
						Min	0.74	-0.27	-0.65	0.72	0.69	0.66	0.63	0.58
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	1.00	-0.22	-0.97	0.98	0.96	0.95	0.94	0.93
						Min	0.85	-0.31	-1.12	0.80	0.77	0.74	0.71	0.67
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.66	-0.03	-0.42	0.66	0.64	0.62	0.61	0.60
						Min	0.65	0.02	-0.34	0.64	0.62	0.60	0.59	0.58
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	1.00	-0.07	-0.50	0.98	0.96	0.95	0.94	0.93
						Min	0.77	-0.19	-0.67	0.72	0.69	0.66	0.63	0.59
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	1.04	-0.08	-0.12	1.02	1.00	0.99	0.98	0.97
						Min	0.90	-0.16	-0.23	0.86	0.83	0.80	0.77	0.73
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.68	-0.01	-0.51	0.66	0.63	0.61	0.60	0.59
						Min	0.63	-0.01	-0.51	0.63	0.60	0.58	0.57	0.56
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	1.22	-0.02	-0.02	1.20	1.18	1.17	1.16	1.15
						Min	1.04	-0.08	-0.20	1.00	0.97	0.94	0.91	0.87
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	1.54	-0.06	-0.12	1.52	1.50	1.49	1.48	1.47
						Min	1.02	-0.26	-0.49	1.00	0.98	0.97	0.96	0.95
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	1.21	-0.03	-0.16	1.19	1.17	1.16	1.15	1.14
						Min	0.91	-0.12	-0.38	0.87	0.84	0.81	0.78	0.74

3. Cảnh báo (nếu có):

Trên sông Hậu tại Long Xuyên, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức trên BĐI đến dưới BĐII Từ .-.M. ***Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 1.***

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van

Tin phát lúc 11h00 ngày 26/11/2024

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt
Huỳnh Nguyễn Khánh Loan